TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 11/2025/DS-ST Ngày 23/4/2025 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lâm Lệ Oanh
Ông Nguyễn Đình Chiến
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán vật liệu xây dựng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1964. Là chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vật liệu xây dựng S. Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tiêu Tường T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số F, đường C, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Phi L1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tiêu Tường T trình bày: Vào năm 2021, ông Bùi Phi L1 có đến Cửa hàng V do ông Trịnh Văn L làm chủ mua vật liệu xây dựng. Đến ngày 29/11/2021 ông L1 có làm giấy xác nhận còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng là

207.499.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) và cam kết đến ngày 15/12/2021 sẽ trả tiền cho ông L. Tuy nhiên sau khi viết cam kết thì ông L1 đã không thực hiện đúng lời hứa, ông L có nhắc nhở nhiều lần thì trong khoảng thời gian từ ngày 04/11/2023 đến 13/5/2024, ông L1 thanh toán được 34.500.000 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và còn nợ lại số tiền 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), đồng thời ông L1 cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết số tiền nợ. Kể từ ngày 13/5/2024 đến nay ông L1 không trả tiền cho ông L như cam kết. Nay ông đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn L yêu cầu ông Bùi Phi L1 thanh toán số tiền 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/5/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bị đơn ông Bùi Phi L1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là vật liệu xây dựng. Trong vụ án này bị đơn ông Trịnh Văn L có nơi cư trú tại khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Ông Bùi Phi L1 đã dược Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Vào năm 2021 ông Bùi Phi L1 có mua vật liệu xây dựng tại Cửa hàng vật liệu xây dựng S do ông Trịnh Văn L làm chủ, quá trình mua bán, ông L1 có thanh toán một phần và nợ lại một phần, đến ngày 29/11/2021 ông Bùi Phi L1 có làm giấy để xác nhận số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 207.499.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng). Từ ngày 04/11/2023 đến 13/5/2024, ông L1 thanh toán được 34.500.000 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm

nghìn đồng) và còn nợ lại số tiền 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng). Đồng thời ông L1 cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết số tiền nợ nhưng không thực hiện nên ông L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Phi L1 thanh toán cho ông L số tiền 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày 14/5/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy ông L1 đã được Tòa án thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án xác minh thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên ông L1 không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Xét thấy hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa ông Trịnh Văn L và ông Bùi Phi L1 là dựa trên sự tự nguyện, ông L đã giao đủ tài sản nhưng ông L1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền của mình là vi phạm Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả tiền: "1. *Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".

Do đó, ngoài nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ, ông L1 còn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả. Ông L yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 14/5/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án ngày 23/4/2025, tiền lãi chậm trả được tính như sau: 172.999.000 đồng x 0,83% x 11 tháng 09 ngày = 16.226.568 đồng (mười sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng). Tổng gốc và lãi là 172.999.000 đồng + 16.226.568 đồng = 189.225.568 đồng (một trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Do đó, căn cứ vào giấy xác nhận ngày 29/11/2021 và lời trình bày của nguyên đơn, xét thấy yêu cầu của ông Trịnh Văn L có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Bùi Phi L1 thanh toán cho ông Trịnh Văn L số tiền 189.225.568 đồng (một trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó vốn gốc là 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín

nghìn đồng), tiền lãi là 16.225.568 đồng (mười sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng) là phù hợp.

Về án phí: Ông Bùi Phi L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho ông Trịnh Văn L.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn L đối với bị đơn ông Bùi Phi L1.

Buộc ông Bùi Phi L1 thanh toán cho ông Trịnh Văn L số tiền 189.225.568 đồng (một trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó vốn gốc là 172.999.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), tiền lãi là 16.225.568 đồng (mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Bùi Phi L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.461.278 đồng (chín triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Trả lại cho nguyên đơn ông Trịnh Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.391.975 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0008258 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP . Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thanh Phương